

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH MINH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-11-2020

V/v Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,  
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ 13, ấp L, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 2134, tổ 08, ấp A, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:*

Bà và ông Trần Văn T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 09/11/2001. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 bắt đầu vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống không phù hợp, ông T quản lý tài chính nhưng không rõ ràng, không quan tâm đến vợ con, ông T còn chơi đá gà. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/10/2001 và Trần Nguyễn Trang P sinh ngày 02/4/2010, cháu Thảo P đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, còn cháu Trang P hiện đang sống với bà ở ấp L, xã T, thị xã M. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trang P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nghề uốn tóc, trung bình mỗi tháng thu nhập khoảng 5.000.000 đến 6.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T trình bày:*

Về hôn nhân đúng như bà H trình bày, ông và bà H có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn thì ông không thống nhất với ý kiến của bà H, ông quản lý tiền bạc nhưng vẫn chăm lo cho gia đình, ông vẫn quan tâm chăm sóc vợ con, việc ông đá gà chỉ để giải trí. Khi bà H bỏ về sống với cha mẹ ruột thì ông vẫn đến thăm nhiều lần và nhờ cha mẹ ông đến khuyên nhủ nhưng bà H không chịu về. Nay ông vẫn còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, ông yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là Trần Nguyễn Thảo P và Trần Nguyễn Trang P. Trường hợp buộc phải ly hôn thì ông

để cho bà H tiếp tục nuôi cháu Trang P nhưng phải để cho cháu về thăm ông mỗi tuần. Đối với cháu Thảo P đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Trang P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con, đối với cháu Trần Nguyễn Thảo P đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Văn T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con, yêu cầu được đoàn tụ; về con chung trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi cháu Trang P, ông chưa phải cấp dưỡng cho con, đối với cháu Thảo P đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Văn T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 ngày 09/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ năm 2018 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà H và ông T đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 nên không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Giữa bà H và ông T có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/10/2001 và cháu Trần Nguyễn Trang P, sinh ngày 02/4/2010. Cháu Thảo P đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Trang P hiện nay đang sống chung với bà H, việc học hành và sinh hoạt ổn định, điều kiện kinh tế của bà H cũng đảm bảo việc nuôi con, cháu Trang P cũng có nguyện vọng được sống chung với bà H, ông T cũng đồng ý việc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận để bà H được trực tiếp nuôi cháu Trang P. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trang P mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cháu Trang P nên ông T chưa phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, bà H và ông T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung:

Không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con đối với cháu Trần Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/10/2001.

Giao cháu Trần Nguyễn Trang P, sinh ngày 02/4/2010 cho bà Nguyễn Thanh H được trực tiếp nuôi, ông Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng cho cháu Trang P.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Trang P mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Văn T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, bà H và ông T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010346 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, bà H đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

**Trần Quốc Huy**